TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 28/02/2024
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Dũng

Ông Nguyễn Viết Thanh

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Lệ Huyên- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 28 tháng 2 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2023/TLST–HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số A, đường A, khóm A, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Trương Minh T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: số A, A Tổ A, khóm A, phường A, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Bà N có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày:

Ngày 07/06/2017, bà Đinh Thị N cho anh Trương Minh T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng, mục đích vay tiền để làm ăn mua bán, anh T có làm biên nhận ngày 7/6/2017 cho bà, biên nhận cho anh T tự viết và ký tên. Bà N giao tiền 50.000.000 đồng trực tiếp cho anh T tại quán cà phê, việc giao tiền không ai biết. Lãi suất thỏa thuận miệng là

1,5%/tháng, lãi suất là thỏa thuận bên ngoài không ghi vào biên nhận. Mỗi tháng anh T đóng lãi cho bà N 750.000 đồng, tiền này là tiền lãi không có trả gốc. Anh T đóng lãi cho bà N từ ngày 7/7/2017 đến tháng 9/2021 thì ngưng không trả lãi nữa. Tháng 01/2022, bà N đã yêu cầu anh T trả tiền gốc và lãi nhưng anh T không thực hiện, không đồng ý trả.

Nay bà Đinh Thị N yêu cầu anh Trương Minh T trả số tiền vay là 50.000.000 đồng cho bà N và yêu cầu tính lãi từ tháng 07/9/2021 đến tháng 07/9/2023 (24 tháng) với lãi suất là 1.5%/tháng, số tiền lãi là 50.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 24 tháng = 18.000.000 đồng. Tổng vốn và lãi bà Đinh Thị N yêu cầu anh Trương Minh T trả là 68.000.000 đồng. Bà N yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay từ ngày 11/9/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 09/11/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu đối với số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi từ tháng 07/9/2021 đến tháng 07/9/2023 (24 tháng) với lãi suất là 1.5%/tháng, số tiền lãi là 50.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 24 tháng = 18.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay từ ngày 11/9/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu anh T trả bà số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng theo biên nhận ngày 7/6/2017 và không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà N từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến trước ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định pháp luật.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn Trương Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Đinh Thị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn anh Trương Minh T cư trú tại số 45, Tắc Thầy Cai, Tổ 14, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trương Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét biên nhận ngày 7/6/2017 thể hiện anh Trương Minh T có vay của bà Đinh Thị N số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận do anh T viết và ký tên. Mặc dù, biên nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 1,5%/tháng. Anh T mỗi tháng đóng lãi cho bà N với số tiền lãi là 750.000 đồng từ ngày 7/7/2017 đến tháng 9/2021 thì ngưng không trả lãi nữa. Số tiền này bà T cho rằng là tiền lãi, anh T chưa trả tiền vốn vay cho bà. Tháng 01/2022, bà N đã yêu cầu anh T trả tiền gốc và lãi nhưng anh T không thực hiện, không đồng ý trả. Ngày 12/9/2023, bà T khởi kiện yêu cầu anh T trả bà tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 07/9/2021 đến tháng 07/9/2023 (24 tháng) với lãi suất là 1.5%/tháng, số tiền lãi là 50.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 24 tháng = 18.000.000 đồng. Ngày 09/11/2023, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu đối với số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi 18.000.000 đồng yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay từ ngày 11/9/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Số tiền trên, Tòa án đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không có ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu anh T trả bà số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng theo biên nhận ngày 7/6/2017 và không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà N từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến trước ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi từ tháng 07/9/2021 đến tháng 07/9/2023 (24 tháng) với lãi suất là 1.5%/tháng, số tiền lãi là 50.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 24 tháng = 18.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay từ ngày 11/9/2023 đến khi giải quyết xong vụ án; là tự nguyện và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn nên chấp nhận.

Về tiền vốn vay: Xét biên nhận ngày 7/6/2017 thể hiện anh T có vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng, không xác định thời hạn, giao dịch này đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật nên anh T phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vốn vay bà N yêu cầu là 40.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét tiền lãi: Tại phiên tòa, bà N không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà N từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến trước ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho

đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự là có lợi cho anh T và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 227 và Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 401, Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N.

Buộc Trương Minh T có trách nhiệm trả cho Đinh Thị N số tiền vốn vay 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng theo biên nhận ngày 7/6/2017.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Đinh Thị N về số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ tháng 07/9/2021 đến tháng 07/9/2023 (24 tháng) với lãi suất là 1.5%/tháng, số tiền lãi là 50.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 24 tháng = 18.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay từ ngày 11/9/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Trương Minh T phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị N được nhận tiền tạm ứng án phí là 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số

0007070 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Mai